

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119/2021/HC-ST**

Ngày: 25/01/2021

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về xử lý vi phạm hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Trần Văn Cảnh

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 433/2019/TLST-HC ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về xử lý vi phạm hành chính*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Lê Văn P.**

Địa chỉ: đường H, phường B, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Trí T**

Địa chỉ: đường D, Phường M, quận T, Thành phố H.

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.**

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành P**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Phạm Văn Đ**, chức vụ: Phó Trưởng phòng Pháp chế Sở X, Thành phố H.

Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận B, Thành phố H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Hồ Trí T và ông Phạm Văn Đ có mặt, ông

Nguyễn Thành P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Lê Văn P có người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Trí T trình bày:

Khu đất ông P xây dựng có diện tích 1678,5m² thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 21 (BĐĐC năm 2006) là loại đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AN 137955.

Ông P đã tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở nông thôn theo Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 02/03/2018 (sau đây gọi tắt là Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND). Trong quá trình xây dựng ông P thi công tăng diện tích xây dựng nhưng vẫn đảm bảo xây dựng trong khuôn viên đất của ông P, không vi phạm lộ giới, hành lang an toàn giao thông, không làm ảnh hưởng đến công trình kế cận và không vi phạm quy hoạch (xã chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết).

Ngày 09/05/2018, Thanh tra sở X đã lập biên bản vi phạm hành chính số 0000248/BB-VPHC xác định lỗi vi phạm của ông P là có hành vi vi phạm chỉ giới xây dựng theo giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND.

Ngày 24/05/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đã ban hành Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC) với nội dung như sau:

“1/. Hình thức phạt hành chính: áp dụng điểm b khoản 7 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ, phạt tiền với mức phạt 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng);

2/. Hình thức phạt bổ sung: Không;

3/. Biện pháp khắc phục hậu quả: Áp dụng theo điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm chỉ giới, cụ thể:

Xây dựng lần chỉ giới xây dựng tại:

+ Phía trước tại tầng trệt và lầu 1: 85,6m²

+ Bên trái tại tầng trệt và lầu 1: 80m²

+ Bên phải tại tầng trệt và lầu 1: 88m²

+ Phía sau tại tầng trệt và lầu 1: 266m²

Việc Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC xác định hành vi vi phạm hành

chính của ông P là: *“Tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm chỉ giới xây dựng được xác định theo giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện B cấp”* gây ảnh hưởng đến công trình xây dựng cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của ông P nên ông đã khiếu nại quyết định này.

Ngày 14/12/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 5754/QĐ-CCXP (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5754/QĐ-CCXP) về cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông P để đảm bảo thi hành quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Không đồng ý với nội dung của Quyết định số 5754/QĐ-CCXP nên ông P đã khiếu nại quyết định này và vụ việc được giao cho Sở X thụ lý. Trong quá trình tiếp xúc với cán bộ thụ lý hồ sơ, ông P đã có đơn xin rút khiếu nại để khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, khu đất ông P đang xây dựng là đất ở tại nông thôn theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B. Hiện nay, tại phần đất này chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng, cũng không nằm trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa. Do vậy trong quá trình xây dựng khi xác định chỉ giới xây dựng ông P đã căn cứ vào giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND, đối với phần diện tích tăng thêm do xây dựng nằm trong khuôn viên đất, không vi phạm lộ giới và không ảnh hưởng đến các hộ lân cận nên ông P không xin điều chỉnh giấy phép xây dựng vì theo quy định tại Điểm K, khoản 2, Điều 89 Luật Xây Dựng năm 2014 thì: *“Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thì được miễn giấy phép xây dựng”*.

Đồng thời, giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND thì chỉ giới xây dựng được xác định: *“lộ giới dự kiến phía Bắc là 6 m”* ngoài giấy phép không xác định thêm chỉ giới xây dựng bên trái, bên phải và phía sau. Ngoài ra theo giấy phép xây dựng và bản vẽ xin phép xây dựng số 01/01 VLA: 27/02/18/DG/KT do Công ty TNHH thiết kế xây dựng TM – DV D lập và được Ủy ban nhân dân huyện B duyệt thì công trình xây dựng của ông Phước được phép xây dựng tường rào bao quanh khu đất, cụ thể như sau:

“+ Tường rào loại 1 + Cổng rào: Kết cấu: Cột BTCT, vách gạch cao 0,06m + song sắt cao 2,00m; Tổng chiều dài: 15,99m (Vị trí nằm ở lộ giới dự kiến phía bắc là 6m)

+ *Tường rào loại 2: Kết cấu: Cột BTCT, vách gạch cao: 2,60m; Tổng chiều dài 216,72m (vị trí nằm tại bên phải, bên trái và phía sau)''.*

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC xác định hành vi vi phạm hành chính của ông P là: “Tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm chỉ giới xây dựng được xác định theo giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện B cấp” là không đúng với hành vi vi phạm của ông P. Do đó Quyết định số 5754/QĐ-CCXP về cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với bản thân ông Phước để đảm bảo thi hành quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC là không đúng với quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

Nay ông Lê Văn P yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H hủy Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 24/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với ông Lê Văn P và Quyết định số 5754/QĐ-CCXP ngày 14/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Lê Văn P để ban hành một quyết định xử phạt phù hợp với lỗi vi phạm hành chính.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn đề nghị vắng mặt, tại Công văn số 3961/UBND-NCPC ngày 15/10/2020 người bị kiện trình bày ý kiến như sau:

Về vị trí, nguồn gốc pháp lý công trình xây dựng vi phạm hành chính:

Công trình xây dựng vi phạm hành chính thuộc Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 21_BĐĐC/2006, xã V, huyện B, do ông Dương Thanh H – bà Ngô Thị T làm chủ sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03137/7013923 ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ông Lê Văn P nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất nêu trên theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 005239, được công chứng viên Văn phòng Công chứng quận P công chứng ngày 12/5/2017, đã đăng ký cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 16 tháng 5 năm 2017 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND cho ông Lê Văn P được phép xây dựng công trình (loại công trình): Nhà ở và tường rào. Gồm các hạng mục sau:

“a) Nhà ở:

+ *Cấp công trình: Cấp 3, 2 tầng.*

- + *Kết cấu công trình: Cột – sàn BTCT, vách gạch, mái ngói.*
- + *Chiều cao từng tầng: Trệt: 4,05m; Lầu 1: 3,40m; Mái: 2,60m.*
- + *Chiều cao toàn công trình: 10,05m; Màu sắc chủ đạo: Vàng nhạt.*
- + *Diện tích xây dựng: 168,60m²; Mật độ xây dựng: 10,38%.*
- + *Diện tích đất cây xanh: 326,92m²; Mật độ chiếm đất: 20,12%.*
- + *Diện tích đất lối đi nội bộ + sân: 1.129,38m²; Mật độ chiếm đất: 69,50%.*
- + *Tổng diện tích sàn xây dựng: 337,20m²; trong đó: Trệt: 168,60m²; Lầu 1: 168,60m².*

b) Tường rào:

- + *Tường rào loại 1 + cổng rào: Kết cấu: Cột BTCT, vách gạch cao 0,60m + song sắt cao 2,00m; Tổng chiều dài: 15,99m.*

- + *Tường rào loại 2: Kết cấu: Cột BTCT, vách gạch cao 2,60m; Tổng chiều dài: 216,72m”.*

b) Về xử lý vi phạm xây dựng:

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở X lập Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng, số 0000248/BB-VPHC, đối với ông Lê Văn P do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ vi phạm chỉ giới xây dựng (theo Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2018 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp), cụ thể:

“Diện tích vi phạm:

Phía trước: Trệt và lầu: $\{(5,1m \times 5,9m) + [(3,2m + 3m)/2 \times 4,1m]\} \times 2 = 85,6m^2$;

Bên trái: Trệt và lầu: $(2m \times 22m) \times 2 = 88m^2$;

Bên phải: Trệt: $(2m \times 25m) = 50m^2$. Lầu: $(1m \times 12m) + (2m \times 13m) = 38m^2$;

Phía sau: Trệt: $(12m \times 48m) + (10,5m \times 28m) = 870m^2$. Lầu: $(11m \times 36m) = 396m^2$.

Kết cấu: móng BTCT, sàn BTCT, vách gạch, mái tôn”.

Quy định tại Điểm b, Khoản 7, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Sở X có Công văn số 5547/SXD-TT kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn P là chủ đầu tư công trình tại một phần thửa số 100, tờ bản đồ số 21_BĐĐC/2006, xã V, huyện B.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban

hành Quyết định số 2187/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối ông Lê Văn P, do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm chỉ giới xây dựng được xác định theo Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND, với các nội dung sau:

“1. Hình thức phạt chính: Áp dụng Điểm b, Khoản 7, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Phạt tiền với mức phạt: 55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn).

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

3.1 Áp dụng theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ, buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm chỉ giới xây dựng, cụ thể:

Xây dựng lấn chỉ giới xây dựng tại:

- Phía trước tại tầng trệt và lầu 1: $[(5,1m \times 5,9m) + ((3,2m + 3m)/2 \times 4,1m)] \times 2 = 85,6m^2$.

- Bên trái tại tầng trệt và lầu 1: $[(2m \times 20m) \times 2] = 80m^2$.

- Bên phải tại tầng trệt và lầu 1: $(2m \times 25m) + [(1m \times 12m) + (2m \times 13m)] = 88m^2$.

- Phía sau tại tầng trệt và lầu 1: $(12m \times 48m) + (10,5m \times 28m) + (11m \times 36m) = 1.266m^2$.

Kết cấu: móng BTCT, sàn BTCT, tường gạch, mái tôn”.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5754/QĐ-CCXP về cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Lê Văn P, do chưa chấp hành đầy đủ nội dung Quyết định số 2187/QĐ-XPHC.

Qua kiểm tra, xác minh vụ việc và căn cứ hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với công trình xây dựng tại một phần thửa số 100, tờ bản đồ số 21_BĐĐC/2006, xã V, huyện B do ông Lê Văn P làm chủ đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nhận thấy ông Lê Văn P đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ không đúng đường giới hạn cho phép xây dựng công trình chính theo Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND, cụ thể phát sinh thêm phần vi phạm: *“Phía trước tại tầng trệt và lầu 1: $[(5,1m \times 5,9m) + ((3,2m + 3m)/2 \times 4,1m)] \times 2 = 85,6m^2$; Bên trái tại tầng trệt và lầu 1: $[(2m \times 20m) \times 2] = 80m^2$; Bên phải tại tầng trệt và lầu 1: $(2m \times 25m) + [(1m \times 12m) +$*

$(2m \times 13m)] = 88m^2$; *Phía sau tại tầng trệt và lầu 1: $(12m \times 48m) + (10,5m \times 28m) + (11m \times 36m) = 1266m^2$* ”.

Hiện trạng vi phạm nêu trên, Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở X đã lập Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 0000248/BB-VPHC ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với ông Lê Văn P ghi nhận các nội dung sai phạm nêu trên, là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Khoản 6 Điều 3 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội, quy định: *“Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng công trình chính trên thửa đất”*.

Căn cứ Khoản 2, Điều 29 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung Thành phố H, quy định về quy mô công trình: *“Công trình nhà ở nằm trong điểm dân cư nông thôn có quy mô tối đa 4 tầng, mật độ xây dựng tối đa (tính trên diện tích đất ở) 70%, khoảng lùi tối thiểu so với lộ giới đường phía trước 3m, khoảng lùi bên hông và phía sau là 2m”*.

Căn cứ hiện trạng thực tế vi phạm và Biên bản xác minh ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thanh tra Sở X ghi nhận: *“Tại công trình nêu trên, chủ đầu tư chia thành 26 căn nhà có lối đi riêng, diện tích mỗi căn khoảng $48m^2$. Trong đó, có 14 căn nhà đã xây dựng hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng, 10 căn nhà xây dựng xong phần thô (01 trệt, 01 lầu, mái tôn), 02 căn nhà đang chuẩn bị đổ bê tông sàn lầu 1. Toàn bộ công trình nêu trên đã ngừng thi công. Công trình có một phần nằm trong lộ giới dự kiến đường phía Bắc (đường hiện hữu 5,95m)”*.

Công trình xây dựng của ông Lê Văn P là chủ đầu tư đã tổ chức thi công xây dựng lần khoảng lùi trước, khoảng lùi hông và khoảng lùi sau, vi phạm chỉ giới xây dựng. Do đó, Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở X lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn P có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình vi phạm chỉ giới xây dựng là phù hợp. Việc ông Lê Văn P cho rằng ông xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng được cấp nhưng không vi phạm chỉ giới xây dựng là không có cơ sở.

Đồng thời, căn cứ Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng, quy định: *“Dự án xây dựng khu nhà ở là dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo quy hoạch được duyệt, được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và có từ 02 công trình nhà ở trở lên”*.

Như vậy, việc ông Lê Văn P xây dựng công trình nhà ở vi phạm chỉ giới

xây dựng và tự ý ngăn chia thành 26 công trình riêng biệt (theo Giấy phép xây dựng là 01 công trình) khi không đảm bảo các yếu tố về quy hoạch, không được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Việc xây dựng nhằm phục vụ cho nhiều hộ gia đình sống trên cùng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là không phù hợp quy định.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2187/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, đối ông Lê Văn P do có hành vi chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ vi phạm chỉ giới xây dựng (theo Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND), là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011, người khiếu nại có nghĩa vụ: *“Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này”*.

Căn cứ Điều 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đối tượng áp dụng cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gồm: *“Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính đã quá thời hạn chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã quá thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra mà không tự nguyện chấp hành”*.

Do ông Lê Văn P đã khiếu nại và không chấp hành Quyết định số 2187/QĐ-XPHC (*thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày, kể từ ngày nhận Quyết định*), cho nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 5754/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 12 năm 2018 về cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động đầu tư xây dựng, đối với ông Lê Văn P, là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Từ các nội dung trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nhận thấy Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 5754/QĐ-CCXP là đúng hành vi vi phạm, đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Việc ông Lê Văn P yêu cầu hủy bỏ các quyết định nêu trên là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố bác toàn bộ đơn khởi kiện và yêu cầu của ông Lê Văn P liên quan đến các Quyết định nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Người khởi kiện ông Lê Văn P có ông Hồ Trí T là người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày:

Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 5754/QĐ-CCXP của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện. Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng và phạm vi nội dung yêu cầu khởi kiện của đương sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.]. Về hình thức:

[1.1]. Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Ông Lê Văn P nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đơn khởi kiện của ông P là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số

2187/QĐ-XPVPHC ngày 24/5/2018 và Quyết định số 5754/QĐ-CCXP ngày 14/12/2018. Ngày 05/12/2019, ông Lê Văn P nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên.

Căn cứ Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của ông P vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên.

[1.4]. Về thẩm quyền và trình tự ban hành:

Ngày 14/4/2018 Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở X lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn Phước về hoạt động đầu tư xây dựng. Ngày 24/5/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông P. Xét Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC được ban hành đúng về thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và đúng thời hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 38, Điều 57, Điều 58 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định số 5754/QĐ-CCXP ngày 14/12/2018 được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 86 và 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-XPVPHC.

Theo Giấy phép xây dựng số 344/GPXD-UBND (đính kèm theo Bản vẽ cấp phép xây dựng) thì ông Lê Văn P được phép xây dựng công trình nhà ở cấp 2, 3 và tường rào tại lô đất thuộc một phần thửa 100, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.624,90m² tọa lạc tại xã V, huyện B. tổng diện tích sàn xây dựng: 337,20m²; trong đó: trệt: 168,60m²; lầu 1: 168,60m².

Theo Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 0000248/BB-VPHC do Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở X lập ngày 09/5/2018 đối với ông Lê Văn P do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ vi phạm chỉ giới xây dựng phía trước tầng trệt và lầu 1: $[(5,1m \times 5,9m) + ((3,2m + 3m)/2 \times 4,1m)] \times 2 = 85,6m^2$, Bên trái tại tầng trệt và lầu 1: $[(2m \times 20m) \times 2] = 80m^2$, bên phải tại tầng trệt và lầu 1: $(2m \times 25m) + [(1m \times 12m) + (2m \times 13m)] = 88m^2$, phía sau tại tầng trệt và lầu 1: $(12m \times 48m) + (10,5m \times 28m) + (11m \times 36m) = 1.266m^2$.

Theo Biên bản xác minh ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Thanh tra Sở X ghi nhận: *“Tại công trình nêu trên, chủ đầu tư chia thành 26 căn nhà có lối đi riêng, diện tích mỗi căn khoảng 48m²”*.

Tại Khoản 6 Điều 3 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội, quy định: *“Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng công trình chính trên thửa đất”*.

Tại Khoản 2, Điều 29 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung Thành phố Hồ Chí Minh, quy định về quy mô công trình: *“Công trình nhà ở nằm trong điểm dân cư nông thôn có quy mô tối đa 4 tầng, mật độ xây dựng tối đa (tính trên diện tích đất ở) 70%, khoảng lùi tối thiểu so với lộ giới đường phía trước 3m, khoảng lùi bên hông và phía sau là 2m”*.

Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng, quy định: *“Dự án xây dựng khu nhà ở là dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo quy hoạch được duyệt, được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và có từ 02 công trình nhà ở trở lên”*.

Xét thấy, theo các quy định nêu trên thì ông P là chủ đầu tư công trình xây dựng đã có hành vi thi công xây dựng lấn khoảng lùi phía trước, bên hông và phía sau, vi phạm quy định chỉ giới xây dựng và tự ý ngăn chia công trình xây dựng thành 26 căn nhà riêng biệt là đã vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng. Vì vậy, xét Quyết định số 2187/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Lê Văn P đã áp dụng hình thức xử phạt chính đối với ông P là phạt tiền 55 triệu đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ phần công trình vi phạm chỉ giới xây dựng là đúng theo quy định tại điểm b, Khoản 7 và điểm d, Khoản 11, Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ. Do đó, ông P yêu cầu hủy Quyết định này là không có căn cứ để được chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 5754/QĐ-CCXP ngày 14/12/2018.

Tại khoản 1 Điều 73 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó”*.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Xét thấy, ông P chưa chấp hành Quyết định số 2187/QĐ-XPHC. Do đó, xét Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5754/QĐ-CCXP là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 28, khoản 1 Điều 73, Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nên yêu cầu hủy quyết định này của ông P là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Xét Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn P (lần đầu).

Ông P không yêu cầu hủy quyết định này. Tuy nhiên, do ông Phước khiếu nại Quyết định số 2187/QĐ-XPHC nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quyết định này để giải quyết khiếu nại của ông P. Theo những phân tích ở mục [2.1], xét Quyết định số 2187/QĐ-XPHC được ban hành là hợp pháp, có căn cứ pháp luật. Do đó, xét việc ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND có nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông P, đồng thời giữ nguyên Quyết định số 2187/QĐ-XPHC là đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P.

[2.5]. Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Phước phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 32; Khoản 1, điểm a Khoản 2, Điều 116; Khoản 1 Điều 158; điểm a Khoản 2, Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 28; Điều 57; Điều 68; Khoản 1 Điều 73, Điều 86 và Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Khoản 6 Điều 3 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18

tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Điểm b, Khoản 7, Điều 15; điểm d Điều 11 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn P gồm:

- Yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

- Yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5754/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông Lê Văn P phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045290 ngày 21/12/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn P đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Phúc